

thiếu “thợ” không? Đúng là hiện nay chúng ta đang thiếu “thợ” có trình độ cao, thậm chí thiếu “thợ” có trình độ cao đẳng, đại học. Đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trong các ngành dịch vụ cao như: tài chính, ngân hàng...; thừa “thầy” nhưng là những “thầy” dỏm. Các chuyên gia giỏi, các nhà quản lý giỏi, các giảng viên giỏi... vẫn rất thiếu, thậm chí là thiếu trầm trọng, không phải chỉ hiện nay mà còn trong nhiều năm nữa.

Nói chung, việc mở rộng cửa giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng là một bước để thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và nguyện vọng của Bác Hồ về việc “thực hiện công bằng trong giáo dục”, là tạo điều kiện cho “ai cũng được học hành”, “cả nước trở thành một xã hội học tập”. Còn nhớ, trong thư của Bác Hồ viết cho ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đề ngày 1/11/1945 về việc “gửi gắm” 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ học tập: “Nhân danh Hội văn hóa Việt Nam, tôi xin được bày tỏ nguyện vọng của Hội, được gửi một phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ học tập với ý định một mặt thiết lập mối quan hệ thân thiết với thanh niên Mỹ và mặt khác để xúc tiến về việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật nông nghiệp cũng như trong các lĩnh vực chuyên môn khác”. Trong điều kiện nước sôi lửa bỏng, trong bộn bề công việc của những ngày đầu thành lập nước, sự quan tâm của Bác Hồ đến việc đào tạo nhân lực có trình độ cao cho đất nước không khỏi làm cho tất cả chúng ta xúc động và suy ngẫm. Mở cửa đại học chính là giải pháp quan trọng giúp nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

TÌM HIỂU Ý NGHĨA VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ TỪ CÁC DI TÍCH MỘ CHUM Ở CẦN GIỜ - TP. HỒ CHÍ MINH

TS. NGUYỄN THỊ HẬU*

Trong khoảng mười năm trở lại đây, việc phát hiện và khai quật các di tích khảo cổ ở Cần Giờ đã góp phần quan trọng cho việc nghiên cứu lịch sử văn hóa vùng đất Tp. Hồ Chí Minh từ khoảng 3000 năm đến 2000 năm cách ngày nay. Trong hệ thống các di tích khảo cổ học ở đây nổi bật là hai di tích Giồng Cá Vồ – Giồng Phệt, với hàng trăm mộ chum thực hiện tục hung táng, hàng ngàn hiện vật tùy táng vô cùng phong phú về loại hình và đa dạng về chất liệu. Các di tích này đã được nghiên cứu bước đầu, nhằm xác định vị trí, ý nghĩa của nó trong tiến trình phát triển thời đại kim khí Việt Nam⁽¹⁾ và qua đó, xác lập một văn hóa khảo cổ mới “Văn

hóa Giồng Phệt”⁽²⁾. Tuy nhiên, việc nghiên cứu cũng mới chỉ nêu lên được phần nào thông tin từ các di tích, di vật ở góc độ văn hóa vật thể: tên gọi, loại hình, chức năng, công dụng, kích thước, chất liệu, kỹ thuật sản xuất ... còn có ý nghĩa văn hóa phi vật thể ẩn chứa trong táng thức, táng tục, trong các hình tượng đồ tùy táng thì chưa được tìm hiểu, khai thác để có thể “khôi phục mọi mặt đời sống của dân cư cổ từ nguồn sự liệu vật thật”.

Trong một bài viết trước đây chúng tôi đã nêu lên nhận xét của mình về ý nghĩa của hai di

(*) Phó Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh.

vật tùy táng đặc biệt ở khu vực chum Cần Giờ là tượng gốm hình chim và khuyên tai hình đầu thú⁽³⁾. Ở bài viết này, bước đầu chúng tôi tìm hiểu về ý nghĩa và biểu tượng của táng thức mộ chum nhằm góp thêm tư liệu cho việc nghiên cứu về dân cư cổ vật ở vùng đất này thời tiền sử.

1- Đặc trưng cơ bản của hoạt động lao động con người là chế tạo công cụ lao động sản xuất, vũ khí và các vật dụng sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đời sống. Nghiên cứu về thời tiền sử, người ta tạm chia các di vật thành hai lĩnh vực:

- Di vật phản ánh đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại, lao động, sản xuất ...)

- Di vật phản ánh đời sống tinh thần (tín ngưỡng, tôn giáo, nghệ thuật...)

Thế nhưng, càng ngày ta càng nhận thấy rằng, không thể có sự phân chia rạch ròi đâu là di vật thuộc về đời sống vật chất và đâu là di vật thuộc về đời sống tinh thần, bởi không có sự tách rời giữa hai lĩnh vực này trong cuộc sống con người. Mọi vật con người làm ra đều nhằm đáp ứng một nhu cầu vật chất cụ thể, đồng thời luôn chứa một ý nghĩa nào đó đối với người làm ra và người sử dụng chúng. Ngược lại, bất cứ một hoạt động tinh thần nào của con người cũng được biểu hiện bằng hoặc thông qua một hình thức vật chất nhất định. Đơn cử ví dụ như: Một trong những dấu tích khảo cổ học quan trọng là di tích than tro – bếp lửa. Khi bắt gặp các di tích này, ta thường chú ý đến các di vật như mảnh gốm ám khói, tàn tích thức ăn (xương động vật, vỏ nhuyễn thể, phân tích bào tử phân hoa thực vật...), các công cụ như rìu đá, chày và bàn nghiền

... để qua đó tìm hiểu và rút ra nhận xét về cách thức ăn uống (thức ăn được nướng chín, nấu chín hay ăn sống?), nguồn thức ăn ở đâu, gồm những gì, kiếm ăn bằng cách nào, xem độ dày, độ lớn của bếp lửa để đoán định thời gian cư trú và số lượng dân cư ở đó ... tức là bước đầu nhận thức về phương thức kinh tế – lối sống của chủ nhân di tích. Tuy nhiên, ý nghĩa của di tích bếp lửa không chỉ có vậy. Việc con người làm ra và sử dụng lửa được đánh giá là thành tựu văn minh quan trọng của thời nguyên thủy. Ngọn lửa vừa là vũ khí bảo vệ con người trước thú dữ, trước giá lạnh, trước sự sợ hãi của bản thân trong đêm tối, đồng thời, ngọn lửa còn là dấu hiệu của sinh hoạt cộng đồng, của sức mạnh đoàn kết cùng nhau chống lại mọi hiểm nguy, bất trắc. Quây quần bên ngọn lửa không chỉ để sưởi ấm, ăn uống mà còn để tăng cường mối quan hệ, liên hệ giữa con người, bếp lửa chính là “không gian cộng đồng” của loài người, từ cộng đồng nhỏ là gia đình, đến cộng đồng lớn như buôn, làng, bản sau này. Vì vậy, ngọn lửa đã trở thành biểu tượng thiêng liêng: trong gia đình bếp lửa gắn liền với vai trò người phụ nữ, người mẹ, vì nó biểu hiện cho việc duy trì sinh hoạt và bảo vệ tình cảm gia đình; sinh hoạt hằng ngày hay lễ hội của nhiều dân tộc không thể thiếu những hình thức hoạt động quanh đồng lửa ..., ngọn lửa trở thành biểu tượng mối liên hệ gắn bó giữa các thế hệ, là ánh sáng cho loài người thoát khỏi tối tăm, u mê để đi tới văn minh.

Với cách tiếp cận ý nghĩa văn hóa phi vật thể từ các dấu tích vật chất như vậy, đặt các di tích mộ chum Cần Giờ trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á thời kim khí

với hệ thống các biểu tượng liên quan đến mọi mặt đời sống của dân cư cổ ở đây⁽⁴⁾, có thể nhận biết được ý nghĩa gì của tục hung táng và táng thức mộ chum?

2- Táng thức của dân cư cổ Cần Giờ là chôn người trong tư thế bó gối những chum gốm lớn hình cầu, không có nắp đậy (hung táng trong chum). Nhiều chum có 1 -2 lỗ nhỏ khoét ở đáy hoặc thân chum. Loại hình chum mai táng ở Cần Giờ có nguồn gốc tại chỗ: trước khi trở thành chôn người chết, chum gốm là đồ đựng gia dụng, có chung những đặc trưng về loại hình, văn hóa, kỹ thuật chế tạo với đồ gốm di chỉ, tạo thành truyền thống gốm riêng biệt “gốm Cần Giờ”⁽⁵⁾. Mộ chum Cần Giờ bắt nguồn từ mộ huyết đất sét và mộ chum đất trong huyết đất sét, từ khoảng 2500 năm cách ngày nay, tục hung táng trong mộ chum trở thành táng tục chủ yếu ở đây. Táng thức này có nhiều nét tương đồng với một số di tích trong văn hóa Đông Nai⁽⁶⁾. Tư thế di cốt cùng hình táng chum gốm làm ta dễ dàng liên tưởng đến tư thế đứa trẻ con người nằm trong bụng mẹ. Lòng mẹ - bụng mẹ là một trong những biểu tượng rất phổ biến ở Đông Nam Á, được biểu hiện qua các vật thể quen thuộc như:

- Hang núi: là nơi cư trú của loài người nguyên thủy. Hình dáng hơi cong tròn, lòng hang to lớn, rộng, khả năng chứa đựng của hang đã trở thành nguyên mẫu cho dạ con - lòng mẹ, trở thành biểu tượng của cội nguồn: con người chui ra khỏi hang núi như ra khỏi lòng mẹ. Ban ngày đi kiếm ăn, tối trở về hang nghỉ ngơi, sáng mai lại bắt đầu một chu kỳ mới. Cứ thế, hang đá trở thành biểu tượng cho cội nguồn,

tái sinh, giống như một đời người, ra đời từ trong lòng mẹ rồi khi chết đi trở về bụng mẹ để được sinh ra trong một kiếp khác. Ngoài ra, hang núi ở trên cao còn là biểu tượng của vũ trụ, là nơi đất trời giao nhau, con người có thể giao tiếp với thần linh, với thế giới tổ tiên qua lỗ thông từ mái vòm hang lên đỉnh núi, nơi ánh sáng rơi vào hang tối.

- Quả cầu: truyền thuyết về quả cầu là cội nguồn của vạn vật cũng bắt đầu từ hình dáng tròn, rỗng lòng (khi để khô), đặc tính dễ trồng, mau lớn, sai trái của loài bầu khí. Khi khô trong lòng chứa hạt, từ hạt lại nảy mầm... Quả bầu khô còn dùng để đựng nước, vì vậy, phải chăng việc làm đồ gốm là khởi nguồn từ việc bắt chước hình dáng và công dụng của quả bầu? Nếu cho rằng những nồi, vò đất nung nguyên thủy là vật thay thế, tương ứng với quả bầu thì việc chôn người chết (hoặc chứa than tro hỏa táng) trong các mộ vò, mộ chum chắc hẳn là biểu hiện cho sự khởi nguồn, sự tái sinh. Các lỗ nhỏ khoét trên thân và đáy chum chính là lỗ thoát hồn cho thể xác trong chum, trong hang tối để đi đến miền ánh sáng.

Như vậy, mộ chum với tục hang táng là biểu hiện của tín ngưỡng Mẹ khởi nguồn: chum gốm tượng trưng cho bụng mẹ - lòng mẹ, di cốt bó ngò trong chum tượng trưng cho sự tái sinh.

Những di tích chum ở Đông Nam Á thường phân bố trên các địa hình cao ven biển hoặc ven các con sông lớn: cồn cát ven biển, giồng đất, đồi gò ven sông, hang núi cao sát bờ biển ... sông, biển ở đây tượng trưng cho sự ngăn cách thế giới người sống và thế giới người chết. Liên quan

đến sông nước là một vật dụng rất phổ biến ở Đông Nam Á: chiếc thuyền. Sống trong môi trường sông nước, cư dân Đông Nam Á thời cổ đã biết dùng một số loài thực vật làm phương tiện di chuyển trên biển: tre, nứa (loại cây thân rỗng) kết làm bè, mảng, thuyền độc mộc (thân cây khoét rỗng) rồi tiến tới đóng những chiếc thuyền sâu lòng (rỗng lòng) lớn hơn, có thể vượt đại dương đi đến các vùng đất mới. Hình tượng chiếc thuyền trên trống đồng Đông Sơn, mối quan hệ văn hóa - tộc người của người Toraja ở đảo Sulawesi - Indonêsiá với văn hóa Đông Sơn đã minh chứng cho điều đó. Chiếc thuyền trong văn hóa Đông Nam Á trở thành biểu tượng cho sự di chuyển, chuyên chở, sự an toàn trên sông nước, cũng là biểu tượng cho sự ra đi trở lại. Do vậy, mộ chum chôn ven sông, biển còn có nghĩa: chum gốm (rỗng lòng) là chiếc thuyền tiễn đưa người chết về thế giới tổ tiên. Trong các mộ chum ở Cần Giờ có chôn theo Cà ràng - loại bếp gốm độc đáo dùng trên ghe, thuyền; nắp dậu mộ vò ở hang Manungui đảo Palawan ở Philippine có nùm cầm hình thuyền với hai người đang chèo⁽⁷⁾, mộ quan tài hình thuyền trong văn hóa Đông Sơn... đều thể hiện ý nghĩa đó. Như vậy, mộ chum ở Cần Giờ là biểu tượng của chiếc thuyền thiêng, phương tiện đưa linh hồn người chết về với tổ tiên, là cầu nối thế giới người sống với thế giới người chết, thể hiện một cách mãnh liệt sự cầu mong tái sinh hay chính là niềm tin về sự bất tử của con người.

3. Trong bối cảnh Đông Nam Á thời đại kim khí, các di tích mộ chum ở Cần Giờ - Tp. Hồ Chí

Minh không chỉ thể hiện mối liên hệ với các nền văn hóa đương thời qua di vật và đồ tùy tang⁽⁸⁾, mà còn thể hiện sự thống nhất về nhận thức, về tư duy, về tín ngưỡng với cư dân cổ Đông Nam Á qua tục hung táng trong mộ chum.

Từ sự nhận biết một số đặc tính vật chất chung của các vật thể: hang núi - quả bầu - chum gốm - thuyền, qua sự di cư dân cổ Đông Nam Á đã liên kết thành một chuỗi biểu tượng về lòng mẹ - sự sinh thành - sự sống - cái chết - sự tái sinh, thể hiện tín ngưỡng về Mẹ và sự bất tử của linh hồn. Đây cũng chính là mối bận tâm muôn thuở của loài người.

TÀI LIỆU DẪN

- (1) và (8) Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - BTL SVN- Tp. Hồ Chí Minh *Khảo cổ học tiền sử và cơ sở TP.HCM.* Nhà xuất bản Trẻ, 1998.
- (2) Nguyễn Thị Hậu - Đặng Văn Thắng: *Văn hóa Giồng Phệt và Văn hóa Sa Huỳnh.* BTL SVN-TP.HCM Thông báo Khoa học số 2 - 2000, tr.102- 108
- (3) Nguyễn Thị Hậu : *Khuyên tai hai đầu thú trong các di tích mộ chum ở huyện Cần Giờ.* Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật, số 8 -1997. Tr. 23-26.
- (4) Tạ Đức: *Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc - biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn.* Hội Dân tộc học Việt Nam - Hà Nội, 1999.
- (5) Nguyễn Thị Hậu: *Gốm Cần Giờ - Những phát hiện mới về KCH năm 2000,* tr.285 - 287.
- (6) Nguyễn Thị Hậu: *Nhận thức mới về các loại hình mộ táng ở Đông Nam Bộ thời đại kim khí.* - Phát hiện mới về KCH năm 2001, tr. 263-267.
- (7) R. Fox: *The Tabon Caves.* Monography of National Museum. Manila 1970.